

Bài tập

A, B, C cùng góp vốn thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn **X** kinh doanh thương mại và dịch vụ. Ngày 05/02/2000, Công ty đã có Sổ kế hoạch đầu tư thành lập Hà Nội có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì vốn góp của các bên vào vốn đầu tư đã xác định như sau:

- **A** góp bằng mặt tiền nhà tại số 215 Nguyễn Phong Sắc, Hà Nội, trị giá 400 triệu đồng, chiếm 40% vốn đầu tư. Căn nhà này đã có Công ty sử dụng làm trụ sở giao dịch.

- **B** góp vốn bằng máy móc xây dựng trị giá 300 triệu đồng, chiếm 30% vốn đầu tư.

- **C** góp 300 triệu đồng tiền mặt, chiếm 30% vốn đầu tư.

Sau khi Công ty đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các thành viên đã thực hiện theo đúng quy định trong Luật doanh nghiệp 1999. Đầu tiên các máy móc của **B** vào Công ty, các thành viên nhất trí **A** làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, **B** làm Giám đốc, và **C** là kế toán trưởng Công ty. Đầu tư cho Công ty không quy định bất kỳ ai là người đi đầu theo pháp luật của Công ty.

Do số tiền đầu tư trên thực tế đầu tư nên giá trị thực tế của căn nhà mà **A** mang ra góp vốn đã lên tới 1 tỷ đồng. Vì lý do thực tế đây không có tiền mặt để góp vốn nên mới góp bằng căn nhà, nay đã có tiền mặt, **A** yêu cầu rút lại căn nhà thực tế đã mang góp vốn, và góp thêm bằng 500 triệu đồng tiền mặt. **B** và **C** không đồng ý.

a) **A** có thể rút căn nhà thực tế đã mang góp vốn để góp thêm bằng 500 triệu đồng tiền mặt được không? Tại sao?

b) Nếu **B** và **C** đồng ý cho **A** rút lại căn nhà thì có đúng pháp luật không? Tại sao?

Vì lý do **B** có nhu cầu sai phạm trong quản lý Công ty, vì công việc Chủ tịch Hội đồng thành viên và là người góp vốn vào Công ty, **A** đã ra quyết định cách chức Giám đốc của **B** và yêu cầu **B** bàn giao lại công việc cùng con dấu cho Công ty. Sau đó **A** ký quyết định bổ nhiệm **C** làm giám đốc công ty.

B chứng minh không đồng ý với các quyết định nói trên mà còn tiếp tục sử dụng con dấu và danh nghĩa Công ty TNHH **X** để ký kết hợp đồng với bên ngoài. Trong đó có hợp đồng vay trị giá 500 triệu đồng với Công ty **Y**. Khi đi ký kết hợp đồng vay vốn thì giá trị tài sản của Công ty **X** còn khoảng 800 triệu đồng. Theo hợp đồng, Công ty **Y** đã chuyển trả số tiền 300 triệu đồng. Tuy nhiên toàn bộ số tiền này đã được **B** chuyển sang tài khoản cá nhân của mình và dùng vào mục đích cá nhân.

Trong tình hình như vậy, **A** kiện **B** ra Tòa án yêu cầu **B** phải hoàn trả khoản tiền 300 triệu đồng. Công ty **Y** cũng nộp đơn ra Tòa yêu cầu công ty **X** phải hoàn trả số tiền 300 triệu đồng mà **Y** đã cho **X** vay, bởi thế nên thiệt hại do Công ty **X** gây ra cho Công ty **Y** do vi phạm hợp đồng.

Anh, chị hãy giải quyết vì sao?

Tình huống 2:

Bài tập

A, B, C cùng góp vốn thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn **X** kinh doanh thương mại, dịch vụ, khách sạn, du lịch và xây dựng dân dụng. Ngày 05/02/2000, Công ty được Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phần vốn góp của các bên vào vốn điều lệ được xác định như sau:

- **A** góp 1/3 tổng tài sản, chiếm 50% vốn điều lệ.

- **B** góp bằng mặt bằng căn nhà tại lot 16E Nguyễn Trãi, Hà Nội, trị giá 600 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Căn nhà này được Công ty sử dụng làm trụ sở giao dịch.

- **C** góp vốn bằng máy móc xây dựng trị giá 400 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các thành viên đã thực hiện theo đúng quy định góp vốn vào Công ty. Để thực hiện máy quản lý nội bộ Công ty, các thành viên nhất trí **A** làm Giám đốc, **B** làm Chủ tịch Hội đồng thành viên và **C** là kế toán trưởng Công ty. Riêng **A** mới góp 500 triệu đồng, số tiền còn lại các bên thỏa thuận **A** sẽ góp nốt trước ngày 01/06/2000, nhưng trên thực tế đến ngày 01/12/2000 **A** mới góp nốt phần vốn đã cam kết.

Kết thúc năm 2000, lợi nhuận sau thuế của công ty là 240 triệu đồng. Các thành viên công ty quyết định chia lợi nhuận này cho các thành viên nhưng mỗi thành viên thì không có số tiền như thế. Vì lý do **A** không thực hiện đúng nghĩa vốn góp vốn, trên cùng với Chủ tịch Hội đồng thành viên, **B** ra quyết định chia đều số lợi nhuận nói trên cho 3 người, mỗi người được 80 triệu đồng. **A** phản đối phân chia lợi nhuận nói trên vì cho rằng mình phải chiếm 50% lợi nhuận là 120 triệu đồng theo đúng tỷ lệ góp vốn ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

*Phân tích phân chia lợi nhuận của **A** đúng hay **C** đúng? Vì sao?*

Sau khi luận giải thỏa thuận phân chia lợi nhuận không thành, và có thành viên không đồng ý với **B**, **A** quyết định cùng với **C** có đề nghị khiếu nại quyết định phân chia lợi nhuận là **A:B:C=140:50:50** triệu đồng trong một phiên họp bất thường của Hội đồng thành viên.

Vì sao thông qua quyết định trên của Hội đồng thành viên có hợp pháp không?

Do bất mãn với **A** và **C**, **B** xin rút khỏi công ty. Tại cuộc họp của Hội đồng thành viên để xem xét, quyết định yêu cầu rút vốn, **B** đề xuất chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho **A** và **C**, nhưng **A** và **C** không muốn mua lại phần vốn đó. Trong tình hình như vậy, **B** đề nghị được chuyển nhượng phần vốn của mình cho **D** là người quen của **A**, **B** và **C**. **B**, **C** vốn không tán thành.

B có thể chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho **D** không? Vì sao?

Do các phần án rút vốn đã không thành, nên **B** đã gọi 300 triệu đồng bán hàng thanh toán cho công ty thông qua **B**.

Vì **B** chỉ gọi 300 triệu đồng của công ty đúng hay sai? Vì sao?

Bài tập

A, B, C và D cùng tham gia thành lập công ty Trách nhiệm hữu hạn X để kinh doanh khách sạn, nhà hàng, và dịch vụ vui chơi giải trí với vốn đăng ký là 5 tỷ đồng. Công ty X được Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 10/01/2000.

Theo Điều lệ công ty được các thành viên tham gia thông qua thì A góp 2 tỷ đồng, B, C, D mỗi người góp 1 tỷ đồng. Cũng theo Điều lệ thì A làm Giám đốc công ty kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên. B làm phó giám đốc công ty, C là kế toán trưởng. Các nội dung khác của Điều lệ tương tự như Luật doanh nghiệp 1999.

Đến năm 2002, A với cách là Chủ tịch Hội đồng thành viên đã quyết định triệu tập Hội đồng thành viên công ty vào ngày 20/01/2002 để thông qua báo cáo tài chính năm, kế hoạch phân chia lợi nhuận và kế hoạch kinh doanh năm 2002. Giám đốc đã để các thành viên trong công ty.

Do bận rộn trong điểu hành công ty với A, nên B đã không tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên. D bận đi công tác xa nên đã gửi thư báo vắng mặt, và qua đó ủy quyền cho A biểu quyết cho mình. Ngày 20/01/2002, A và C đã tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên và đã biểu quyết thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kế hoạch phân chia lợi nhuận và kế hoạch kinh doanh năm 2002.

Sau cuộc họp Hội đồng thành viên, B đã gửi văn bản tới các thành viên khác trong công ty, phản đối kế hoạch phân chia lợi nhuận và kế hoạch kinh doanh năm 2002 và để thông qua. Quan hệ giữa B và các thành viên khác trở nên căng thẳng. Trong tình hình này, A lại triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên vào ngày 10/03/2002 với mục đích nhằm quyết định triệu tập và phát sinh trong công ty, quyết định này A không gửi cho B, vì cho rằng có gì thì B cũng không tham dự.

Tại cuộc họp của Hội đồng thành viên, A, C, D đã biểu quyết thông qua việc khai trừ B ra khỏi công ty và triệu tập họp lại để triệu tập và phân bổ vốn góp của B, và hoàn trả vốn này cho B. Quyết định này cùng với Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 10/03/2002 đã được gửi cho B và gửi lên Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh K. Phòng ĐKKD căn cứ vào biên bản cuộc họp 3 thành viên công ty X để cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung là triệu tập thành viên thứ 4 người trước đây xuống còn 3 người, và triệu tập họp lại của công ty còn 4 tỷ đồng.

Như nđ c quy t đ nh này, B làm đ n ki n lên Tòa án nhân dân thành f K yêu c u bác 2 cu c h p c a H i đ ng thành viên vì không h p pháp; kiên cty vì đã khai tr B, ki n Fòng ĐKKD vì đã c p Gi y ch ng nh n đăng ký thay đ i cho Cty X.

Anh, ch hãy gi i quy t v vi c trên?

Tình hu ng 3:

MÃ S A1

TPKT/HP1/05/180

Ngày 20 tháng 10 năm 2002, Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long (m t doanh nghi p liên doanh đ c thành l p theo h p đ ng liên doanh ký gi a bên Vi t Nam là Công ty c ph n Hoàng An và bên n c ngoài là Công ty trách nhi m h u h n H c Long c a Trung Qu c, có tr s t i Hà N i) ký h p đ ng v i Hãng tàu Logispeed Co., Ltd. (Hãng tàu n c ngoài) thuê ch toàn b thi t b c a nhà máy cán thép t c ng x p hàng Keelung Đài Loan v c ng d hàng H i Phòng. Ngày x p hàng t 22 - 27 tháng 11 năm 2002. Đi u VI c a h p đ ng xác đ nh c c tàu là 22,6 USD/T bao g m chèn lót, an toàn; gi i h n c c tàu đ c tính d i c u tàu cho đ n khi hàng hoá đ c nh n trên ph ng ti n c a bên thuê tàu và theo m t trình t k ti p liên t c. Theo đi u VIII c a h p đ ng, 30% ti n c c s đ c tr tr c cho ch tàu, 70% còn l i tr trong vòng 2 ngày tính t khi tàu đ n H i Phòng. Đi u X c a h p đ ng ghi rõ ch tàu s ch u chi phí và trách nhi m b c x p, ch ng bu c, chèn lót an toàn đ n khi đáp ng đ c yêu c u. Hai bên cũng tho thu n ti n ph t do gi tàu quá h n gieo kéo s là 8.000 USD/ngày (Đi u XII). Bên thuê tàu cam k t x p hàng trong vòng 3 ngày v i 24 gi làm vi c liên t c, tính c ngày ch nh t ho c ngày l (Đi u IX). Bên thuê tàu s b o đ m đ vi c giao hàng di n ra cùng m t đ a đi m (Đi u XVII).

Khi th c hi n h p đ ng, Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long đã b c hàng lên tàu trong vòng đúng 3 ngày t đêm ngày 22 đ n đêm ngày 25 tháng 11 năm 2002. Nh ng do ph i ch ng bu c, chèn lót nên đ n ngày 27 tháng 11 năm 2002 tàu m i r i c ng x p hàng. Ngày 30 tháng 11 năm 2002, tàu CEC (ch ph n c khí là ki n hàng r i) vào c u 5 t i C ng chính H i Phòng tr hàng. Ngày 03 tháng 12 năm 2002 tàu VN (ch ph n đi n và các ph ki n c khí khác đ c đóng trong 60 công-ten-n) vào C ng Chùa V . Ngày 6 tháng 12 năm 2002 Hãng tàu Logispeed Co. Ltd đã xác nh n đ c thanh toán toàn b c c tàu t Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long là 246.400,34 USD nh ng yêu c u Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long ph i thanh toán t p 16.027,8 USD t i n hai ngày quá h n x p hàng và 3.926,47 USD t i n v t li u ch ng bu c.

Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long không ch p thu n yêu c u c a hãng tàu Logispeed Co. Ltd., vi n đ n đi u VII và đi u X c a h p đ ng đ gi i thích nghĩa v ch ng bu c, chèn lót an toàn là thu c v ch tàu. Ph n đ i cách gi i thích này, ngày 7 tháng 12 năm 2002, hãng tàu Logispeed Co. Ltd., đ a 600 công-te-n ch a ph n đi n và các ph ki n c khí khác lên bãi C ng Chùa V và không phát l nh giao hàng cho Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long phát hi n 30 công-ten-n hàng trong s 60 công-ten-n ch a nh n nay đã b

m t h t khoá, k p chỉ khi ch tàu chuy n t i t H Long v H i Phòng không có s đ ng ý c a ch hàng nên có th có vi c th t thoát hàng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2002, Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long làm đ n kh i ki n hăng tàu Logispeed Co. Ltd., t i Toà án nhân dân thành ph H i Phòng. Cùng v i đ n ki n, Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long còn đ ngh Toà án kê biên 60 công-ten-n hàng tr giá trên 70 t đ ng đang trên bãi C ng Chùa V và giao cho Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long qu n lý đ h n ch nh ng thi t h i có th x y ra.

Tình ti t b sung

Gi s Toà án nhân dân thành ph H i Phòng th lý v án và ra quy t đ nh áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i theo yêu c u c a nguyên đ n vào ngày 12 tháng 12 năm 2002. Trong quá trình chu n b xét x , khi l y l i khai c a ch tàu, Th m phán phát hi n hai tàu CEC và VN không thu c quy n s h u c a Hăng tàu Logispeed Co. Ltd. Trên th c t , Hăng tàu này đã thuê Công ty V n t i bi n Nam Ninh (Trung Qu c) ch hàng và Công ty này sau khi đ c bi t Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long t ch i yêu c u thanh toán t i p 16.027,8 USD t i n hai ngày quá h n x p hàng và 3.926,47 USD t i n v t li u ch ng bu c, đã t đ ng đ a 60 công-ten-n ch a ph n đi n và các ph ki n c khí khác lên bãi C ng Chùa V , đ ng th i không phát l nh giao hàng cho Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long mà không th thông báo tr c cho Hăng tàu Logispeed Co. Ltd..

Tình ti t b sung

Ngày 25 tháng 12 năm 2002, Hăng tàu Logispeed Co. Ltd., phát đ n kh i i n Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long cũng t i Toà Kinh t Toà án nhân dân thành ph H i Phòng v i các yêu c u sau:

1. Bu c Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long thanh toán t i p 16.027,8 USD t i n hai ngày quá h n x p hàng và 3.926,47 USD t i n v t li u ch ng bu c theo h p đ ng v n chuy n ký gi a Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long và Hăng tàu Logispeed Co. Ltd.

2. Bu c Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long b i th ng thi t h i 5.350,00 USD t ng ng v i các chi phí mà Hăng tàu Logispeed Co. Ltd., đã ph i ch u do thuê lu t s và c đ i di n sang Vi t Nam theo ki n khi hăng này b Công ty trách nhi m h u h n thép Hoàng Long kh i ki n t i Toà án nhân dân thành ph H i Phòng ngày 09 tháng 12 năm 2002.

MÃ S A2

TPKT/HP1/24/180

Ngày 8/8/2002, doanh nghiệp t nhân Tr ng Lâm (đ a ch t i 113 Hà Huy Giáp, ph ng Th ch L c, qu n 12, Thành ph H Chí Minh do bà Lê Kim Lan là ch doanh nghiệp) ký h p đ ng mua bán máy ch bi n g v i Công ty TNHH Gia công g Vi t Nam (tên giao d ch Vinawood; tr s chính đ t t i 152 Nguy n Th T n, Ph ng 2 qu n 8, Thành ph H Chí Minh). Trong h p đ ng các bên tho thu n nh sau:

(1) Doanh nghiệp t nhân Tr ng Lâm (Bên bán) bán cho Công ty TNHH Gia công g Vi t Nam (Bên mua) ba máy ch bi n g v i giá nh sau:

- 1 máy chà nhám 9 t c, 2 tr c (model DW-37RP) giá 11.000 USD
- 1 máy rong ghép (model RL03030 giá 5.000 USD
- 1 máy chếp hình ngoài (model KL-36) giá 5.900 USD

Thu giá tr gia tăng (5%): 1.095 USD. T ng giá tr h p đ ng là 22.995 USD

(2) Các máy trên là hàng m i 100% do Đài Loan s n xu t.

(3) Th i gian giao hàng vào ngày 12/8/2002. Đ a đi m giao hàng là kho c a doanh nghiệp t nhân Tr ng Lâm.

(4) Vi c thanh toán đ c th c hi n b ng ti n đ ng Vi t Nam theo giá USD bán ra c a Ngân hàng ngo i th ng Thành ph H Chí Minh t i th i đi m thanh toán.

Ti n hàng đ c thanh toán làm 4 đ t:

- Đ t 1: Ngay sau khi ký h p đ ng, bên mua ph i thanh toán 140 tri u đ ng, t ng đ ng 9.000 USD
- Đ t 2: Thanh toán ti p 4.797 USD vào ngày 8/9/2002.
- Đ t 3: Thanh toán ti p 4.500 USD vào ngày 8/10/2002.
- Đ t 4: Thanh toán n t s ti n còn l i vào ngày 8/11/2002.

N u Bên mua ch m thanh toán trong 3 ngày, k t th i đi m ph i thanh toán theo tho thu n thì Bên bán đ c quy n thu h i máy mà không ph i hoàn tr s ti n đã đ c thanh toán tr c đó.

(5) Bên bán có nghĩa v b o hành máy 6 tháng, k t ngày giao hàng. Bên bán có nghĩa v l p đ t, v n hành th và h ng d n Bên mua s đ ng máy.

Sau khi ký h p đ ng, Bên mua đã thanh toán cho Bên bán 140 tri u đ ng. Bên bán đã l p đ t, v n hành th và bàn giao 3 máy ch bi n g cho Bên mua. Vi c bàn giao này đ c th c hi n qua 3 biên b n nghi m thu có đ y đ ch ký xác nh n c a các bên. Ngày 8/9/2002, Bên mua thanh toán ti p cho Bên bán s ti n t ng đ ng 1.505 USD sau đó không ti p t c thanh toán nh quy đ nh trong h p đ ng. Khi đ c Bên bán đ c n , Bên mua nhi u l n g i công văn ghi nh n nghĩa v thanh toán và cam k t các th i đi m c th đ thanh toán đ y đ ti n hàng cho Bên bán, nh ng đ n các th i đi m này, Bên mua v n không thanh toán ti n hàng.

Ngày 08/01/2003, Bên bán kh i ki n Bên mua t i Toà án v i các yêu c u

1. Bu c Công ty TNHH Gia công g Vi t Nam thanh toán s t i n còn thi u theo h p đ ng là 13.490 USD.

2. Ph t vi ph m nghĩa v thanh toán tính theo lãi su t quá h n áp d ng cho ngo i t theo quy đ nh c a Ngân hàng Ngo i th ng thành ph H Chí Minh, t 8/9/2002 đ n ngày n p đ n là: $12.490 \text{ USD} \times 0,5\%/\text{tháng} \times 4 \text{ tháng} = 249,8 \text{ USD}$.

Tình ti t b sung

Trên c s đ n kh i ki n, Toà án đã th lý v án. Trong th t c đ i ch t, đ i di n các bên đ u th a nh n các n i dung c a h p đ ng mua bán máy và s t i n máy còn ch a thanh toán. Đ i di n Công ty TNHH gia công g Vi t Nam gi i thích vi c ch m thanh toán c a mình là do c 4 máy trên trong quá trình ho t đ ng đ u hay tr c tr c, nh h ng đ n ho t đ ng kinh doanh c a Công ty và gây nhi u thi t h i cho Công ty. Đ ng th i, đ i di n Công ty Gia công g Vi t Nam yêu c u Toà án bu c Bên bán ph i nh n l i máy, tr l i toàn b s t i n đã thanh toán và b i th ng cho Công ty các thi t h i phát sinh do máy b tr c tr c là 100 tri u đ ng.

Tình ti t b sung

Do các bên b t đ ng quan đi m v ch t l ng máy ch bi n g , Toà án đã tr ng c u giám đ nh. K t lu n giám đ nh c a Trung tâm đo l ng ch t l ng 2 cho th y máy móc trong tình tr ng ho t đ ng t t. Đ i di n Bên bán tham gia t t ng có văn b n thay đ i n i dung kh i ki n, theo đó bên nguyên đ n đ ngh Toà án bu c Bên mua ph i hoàn tr l i toàn b 3 máy ch bi n g . Bên mua ch p nh n tr l i máy nh ng yêu c u Bên bán ph i tr l i s t i n đã thanh toán. Bên bán không ch p nh n và vi n đ n Đi u (4) c a h p đ ng: "N u Bên mua ch m thanh toán trong 3 ngày, k t th i đi m thanh toán theo tho thu n thì Bên bán đ c quy n thu h i máy mà không ph i hoàn tr s t i n đã đ c thanh toán tr c đó". Bên bán cho r ng s t i n này ph i đ c coi là chi phí b i th ng thi t h i kh u hao mà Bên mua l i ch p nh n thanh toán đ y đ t i n hàng và t i n ph t do ch m thanh toán.

MÃ S A3

TPKT/HP2/08/180

Ngày 29/4/1998, Cửa hàng Thi t b Ph tùng và Ph li u D t may, thu c T ng Công ty D t may Vi t Nam (có tr s t i 99 Tr n Qu c To n, qu n Hoàn Ki m, Hà N i), đã ký v i Công ty TNHH Vĩnh An (có tr s t i t 23D, ph ng Phúc Tân, qu n Hoàn Ki m, Hà N i). H p đ ng kinh t s 17/98/HĐKT, theo đó Cửa hàng Thi t b Ph tùng và Ph li u D t may bán cho Công ty Trách nhi m h u h n Vĩnh an 100 máy may nhãn hi u BROTHER DB2-B101, lo i máy b ng 1 kim.

Theo h p đ ng kinh t nói trên, hàng s giao ph i là hàng m i 100%, đ u máy có xu t x t Nh t B n, bàn và chân máy s n xu t t i Thành ph H Chí Minh. Công ty trách nhi m h u h n Vĩnh An ph i đ t c c tr c m t s t i n 7.656 USD, t ng đ ng v i 20% giá tr h p đ ng ngay sau khi ký k t, ph n còn l i tr ch m thành 9 đ t trong vòng 12 tháng v i lãi su t 1%/tháng, s t i n t ng c ng cho c 9 đ t là 30.076 USD. Cũng theo h p đ ng này, đ t thanh toán đ u tiên đ c tính trong vòng 4 tháng k t khi giao hàng, t đ t th hai tr đi c đ t sau cách đ t tr c 1 tháng. M i l n tr h n thanh toán theo đ t, Công ty Trách nhi m h u h n Vĩnh An ph i ch u ph t 0,2%/ngày trên s t i n ch m tr , n u tr h n thanh toán quá 15 ngày, Cửa hàng Thi t b Ph tùng và Ph li u D t may s thu h i l i s thi t b đã giao cho Công ty Trách nhi m h u h n Vĩnh An.

Ngày 3/5/1998, sau khi thanh toán t i n đ t c c và nh n đ máy, Công ty Trách nhi m h u h n Vĩnh An phát hi n trong s 100 máy may nh n t Cửa hàng Thi t b Ph tùng và Ph li u D t may ch có 30 máy xu t x t Nh t B n, 70 máy còn l i có đ u hi u tiêu chu n Châu Âu nh ng không ghi xu t x t đ u.

B t bình v i vi ph m nói trên c a Cửa hàng Thi t b Ph tùng và Ph li u D t may v ch t l ng hàng hoá, l i thêm g p ph i nhi u khó khăn do kh ng ho ng kinh t khu v c nh h ng đ n ngành may xu t kh u, Công ty trách nhi m h u h n Vĩnh An t m ng ng v i c thanh toán, đ ng th i làm công văn đ ngày 28/8/1998 yêu c u Cửa hàng Thi t b Ph tùng và Ph li u D t may ch p nh n h giá bán xu ng còn 90% so v i giá theo h p đ ng và gia h n thanh toán m i đ t thêm 5 ngày.

Công văn tr l i c a Cửa hàng Thi t b Ph tùng và Ph li u D t may đ ngày 4/9/1998 không đ c p đ n v n đ giao hàng sai xu t x , ch kiên quy t yêu c u Công ty trách nhi m h u h n Vĩnh An thanh toán đúng h n, đ ng th i thông báo lãi su t quá h n 0,2%/ngày, đã b t đ u đ c tính t ngày 30 tháng 8 năm 1998.

Cũng d p này, do khách hàng c a Công ty trách nhi m h u h n Vĩnh An ch y u là các Công ty Hàn Qu c và Nh t B n đ u g p khó khăn, liên t c gi m đ n hàng và ép giá nên Công ty trách nhi m h u h n Vĩnh An lâm vào tình tr ng thua l n ng n . Đ có đ ngu n t i n chi tr l ng cho công nhân, Công ty trách nhi m h u h n Vĩnh An đã ph i vay Ngân hàng Công th ng Vi t Nam, Chi nhánh qu n Hoàn Ki m, trên c s H p đ ng vay s 73/98/HĐTD ngày 30/6/1998, v i th i h n 6 tháng và đi u ki n th ch p Xí nghi p may xu t kh u t i t 23D, ph ng Phúc Tân, qu n Hoàn Ki m.

Ngày 30/1/1999, do Công ty trách nhi m h u h n Vĩnh An không thanh toán đ c n đ n h n, Ngân hàng Công th ng Vi t Nam chi nhánh qu n Hoàn Ki m, đã t i n hành niêm phong

toàn bộ khu nhà xưởng tại 23D, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, bao gồm các s máy may công nghiệp để lắp đặt tại đây.

Sau khiullivanđến Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An thúc n nh ng không g p đ c giám đ c và nh ng ng i có trách nhiệm, ngày 4/2/1999, đ i di n C a hàng Thi t b Ph tủng và Ph li u D t may đã đ n t 23D, ph ng Phúc Tân, qu n Hoàn Ki m, đ nh thu h i toàn b s máy may đã giao theo H p đ ng kinh t s 17/98/HĐKT. đây, h b l c l ng c nh sát t x ng là đ i di n cho Ngân hàng Công th ng Vi t Nam chi nhánh qu n Hoàn Ki m ngắ n l i, gi i thích r ng toàn b khu nhà x ng t i t 23D, ph ng Phúc Tân đã b Ngân hàng thu h i đ thanh toán s ti n mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An n c a ngân hàng.

Ngày 14/12/1999, C a hàng Thi t b Ph tủng và Ph li u D t may đã làm đ n kh i ki n Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An ra Toà kinh t - Toà án Nhân dân thành ph Hà n i yêu c u Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An thanh toán s ti n 33.106 USD là kho n Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An còn n C a hàng Thi t b Ph tủng và Ph li u D t may theo H p đ ng kinh t s 17/98/HĐKT, bao g m c ti n lãi n quá h n tính đ n ngày 31/10/1998.

Ngày 27/1/2000, Toà Kinh t Toà án Nhân dân Thành ph Hà N i đã vào s th lý v án nói trên.

Tình ti t b sung

Ngày 9/3/2000, theo tri u t p c a Toà án Nhân dân Thành ph Hà N i, ba Bà Đoàn Th H ng, Phó Giám đ c C a hàng Thi t b Ph tủng và Ph li u D t may và bà Tr ng H i H u, v ông Hoàng H u Truy n, thay m t cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An (do ông Hoàng H u Truy n, Giám đ c, đi công tác v ng) do hoà gi i và tho thu n đ c v i nhau nh ng n i dung sau đây:

1/ Th a nh n hi u l c c a h p đ ng kinh t s 17/98/HĐKT.

2/ Theo h p đ ng nói trên, C a hàng Thi t b Ph tủng và Ph li u D t may đ c phép thu h i l i s thi t b đã giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An n u Công ty này tr h n thanh toán quá 15 ngày. Đi u này có nghĩa là C a hàng Thi t b Ph tủng và Ph li u D t may v n b o l u quy n s h u c a mình đ i v i thi t b nói trên cho đ n khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An hoàn thành nghĩa v thanh toán c a mình. Nh v y, đi u ki n th ch p s máy may công nghiệp để lắp đặt tại Xí nghi p may xu t kh u t 23D, ph ng Phúc Tân, qu n Hoàn Ki m theo H p đ ng vay s 73/98/HĐTD là không có hi u l c vì th i đi m ký k t h p đ ng vay, Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An ch a có quy n s h u đ i v i s thi t b này;

3/ Do đi u ki n kinh t c a b đ n có nhi u khó khăn đ n m c nay đã ph i chuy n sang kinh doanh ngành ngh khác và th c t khi giao hàng nguyên đ n cũng đã có vi ph m h p đ ng liên quan đ n ch t l ng hàng hoá, nguyên đ n đ ng ý ti p nh n l i s máy may công nghiệp đã cam k t bán cho b đ n theo H p đ ng kinh t s 17/98/HĐKT;

4/ B đ n ph i tr cho nguyên đ n 150 tri u đ ng Vi t Nam đ bù cho nh ng hao mòn máy móc do vi c b đ n s đ ng 100 máy may công nghiệp p t ngày 3/5/1998 đ n ngày 4/2/1999, khi s máy này b Ngân hàng Công th ng Vi t Nam chi nhánh qu n Hoàn Ki m thu gi ;

5/ Ngân hàng Công th ng Vi t Nam ph i tr l i cho nguyên đ n 100 máy may công nghiệp đã thu h i t i Xí nghi p may xu t kh u t 23D ph ng Phúc Tân.

MÃ S A4

TPKT/HP2/13/180

Công ty Chăn nuôi và Xuất khẩu Thuần sản Qu ng Ninh (sau đây gọi tắt là Công ty Qu ng Ninh) là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 020/UB-QĐTLĐN của UBND tỉnh Qu ng Ninh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 142 đường Tiền Phong, thành phố Hải Long, tỉnh Qu ng Ninh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 006896/ĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Qu ng Ninh cấp. Ngành nghề kinh doanh : Nuôi trồng, chăn nuôi và xuất nhập khẩu thú sản.

Công ty TNHH V n t i b i n Cát H i (sau đây gọi tắt là Công ty Cát H i) được thành lập theo Giấy phép thành lập số 15/UB-GPTLĐN ngày 18/2/1995 của UBND thành phố Hải Phòng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 25 Lê Lợi, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 003241/ĐKKD của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Ngành nghề kinh doanh: V n t i b i n, môi giới, đi lý vận chuyển.

Do ký được hợp đồng xuất khẩu cá đông lạnh cho một Công ty Nhật Bản, Công ty Qu ng Ninh ký hợp đồng số 01/HĐMB-BĐ-DD mua cá đông lạnh của Xí nghiệp đánh bắt hải sản Đ i D ng và ký hợp đồng số 02/HĐVC/BĐ-CB ngày 1/3/1998 với Công ty Cát H i để vận chuyển 500 tấn cá t c ng Sa Đéc (Đ ng Tháp) đến cảng Hải Phòng. Trong hợp đồng vận chuyển các bên tho thu n:

(1) Công ty Qu ng Ninh thuê Công ty Cát h i vận chuyển 500 tấn cá đông lạnh được đóng gói theo tiêu chuẩn t c ng Sa Đéc (Đ ng Tháp) tại cảng Hải Phòng.

(2) Vì vận chuyển được thể hiện bằng tàu Tây Đô, vì các điều kiện kỹ thuật theo quy định chi tiết của Công ty Qu ng Ninh trong ph l c s 01 đính kèm hợp đồng.

(3) Các phí vận chuyển 300.000đ/t n; các phí bốc xếp hàng hoá hai đầu do bên thuê vận chuyển chịu

(4) Công ty Qu ng Ninh phải trả trước 30% giá trị hợp đồng ngay khi ký hợp đồng; số tiền còn lại sẽ thanh toán ngay sau khi hàng đã bốc xong lên tàu;

(5) Nếu Công ty Cát H i đưa tàu đến mà không có hàng thì Công ty Qu ng Ninh phải chịu 100% các chi phí; nếu Công ty Cát H i vì phạm hợp đồng thì chịu phạt 10% giá trị hợp đồng và phải chịu các phí bốc xếp hàng hoá.

(6) Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, nếu các bên không thỏa thuận, hoà giải được với nhau sẽ giải quyết tại Trung tâm kinh tế Hà Nội, phán quyết của Trung tâm là phán quyết cuối cùng.

Hợp đồng do Giám đốc hai Công ty ký, đóng dấu.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Qu ng Ninh đã thanh toán vào tài khoản của Công ty Cát h i 45.000.000đ. Ngày 15.3.1998 các bên đưa tàu và hàng đến cảng Sa Đéc như đã tho thu n. Cùng ngày các bên đã tiến hành bốc xếp hàng lên tàu.

Khi bốc xong hàng lên tàu, đi đến Công ty Qu ng Ninh phát hiện hàng trên tàu không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định trong ph l c s 01 của hợp đồng, chất lượng bị ảnh hưởng nghiêm trọng không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật để bảo quản hàng hoá suốt hành trình. Đi đến Công ty Qu ng Ninh lập tức yêu cầu thuyền trưởng của tàu Tây Đô phải có biện

pháp x lý. Thuy n tr ng tàu Tây Đô đ ngh ch m t ngày đ kh c ph c s c . Đ i di n c a Công ty Qu ng Ninh không ch p thu n và thuê tàu c a Công ty Mê Kông ch s hàng trên v i c c phí 350.000đ/t n; Công ty Mê Kông t lo vi c b c x p hàng hoá hai đ u.

Khi hàng đã đ c v n chuy n an toàn v C ng H i Phòng, Công ty Qu ng Ninh g i công văn yêu c u Công ty Cát H i ph i b i th ng cho mình nh ng thi t h i phát sinh. Công ty Cát H i không ch p nh n v i lý do Công ty Qu ng Ninh vi ph m h p đ ng tr c, c th Công ty Qu ng Ninh đã không ch s a tàu mà thuê ngay tàu c a Công ty khác đ n v n chuy n lô hàng. V i l p lu n nh v y, Công ty Cát H i yêu c u Công ty Qu ng Ninh ph i thanh toán cho mình c c phí v n chuy n kh ng theo tho thu n trong h p đ ng.

Ngày 15.5.1998, Công ty Qu ng Ninh ki n Công ty Cát H i t i Toà kinh t , Toà án Nhân dân thành ph H i Phòng v i yêu c u:

(1) Bu c Công ty Cát H i ph i hoàn tr 45.000.000 tỉ n đ t c c

(2) Ph t Công ty Cát H i 15.000.000đ do vi ph m h p đ ng.

(3) Bu c Công ty Cát H i ph i tr kho n tỉ n chênh l ch do Công ty Qu ng Ninh ph i thuê tàu c a Công ty Mê Kông là $(350.000đ - 300.000đ) \times 5 t n = 25.000.000đ$

Toà Kinh t Toà án Nhân dân Thành ph H i Phòng đã th lý gi i quy t.

MÃ S A5

TPKT/HP2/15/180

Ngày 9/10/1997 Chi nhánh Công ty Th ng m i Sông H ng t i Hà N i (Công ty Sông H ng là m t doanh nghi p nhà n c tr c thu c UBND t nh Vĩnh Phú, nay là t nh Vĩnh Phúc, ngành ngh kinh doanh chính là xu t nh p kh u máy móc, thi t, b , hàng tiêu dùng; Chi nhánh Công ty đ t t i Qu n Đ ng Đa, Thành ph Hà N i) ký h p đ ng s 01/HĐ/TPĐ-SL v i Công ty Th ng m i Tân Bình Minh (Công ty Th ng m i Tân Bình Minh là m t Công ty TNHH đ c thành l p theo Lu t Công ty năm 1990; ngành ngh ho t đ ng chính c a Công ty theo Gi y ch ng nh n đăng ký kinh doanh là mua bán hàng hoá; đ a ch tr s chính t i qu n Hai Bà Tr ng Hà N i) v i vi c mua bán m t lô t l nh nh p kh u.

H p đ ng mua bán gi a các bên có đ y đ các n i dung chi ti t, trong đó đáng l u ý m t s v n đ sau:

1. Các bên trong h p đ ng đ c ghi là:

- Bên Bán: Chi nhánh Công ty Th ng m i Sông H ng t i Hà N i. Đ a ch c a Chi nhánh t i qu n Đ ng Đa, Hà N i

- Bên Mua: Công ty Th ng m i Tân Bình Minh. Đ a ch t i qu n Hai Bà Tr ng - Hà N i

2. Hàng hoá mua bán là 500 chi c t l nh HITACHI model R-15A4BK, s n xu t t i Thái Lan. Ch t l ng theo ph l c H p đ ng.

3. Giá c : Đ n giá 3 tri u đ/chí c. T ng giá tr h p đ ng là 1,5 t đ ng. Đ n giá tính theo t giá 12.300đ/USD. Giá này ch a bao g m thu nh p kh u. Khi thanh toán tỉ n s tính theo t giá bán ra c a Ngân hàng Ngo i th ng Vi t Nam t i th i đi m thanh toán.

Ngoài việc thanh toán tiền hàng, bên mua còn phải thanh toán tiền thuê kho, tính là 40% giá trị hàng hoá. Khi có mặt thuê kho chính thức thì Bên bán sẽ thông báo cho Bên mua để Bên mua tiến hành việc thuê kho cho các quan thuế. Bên bán phải có nghĩa vụ cung cấp mã số thuế của mình cho Bên mua để Bên mua thực hiện việc thuê kho.

4. Thời gian và địa điểm giao hàng: Hàng được giao vào Quý 1 năm 1998 tại kho của Bên bán Hà Nội.

5. Phương thức thanh toán: Ngay sau khi ký hợp đồng, bên mua phải đặt cọc cho Bên bán 20% giá trị hợp đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán đầy đủ trong vòng 1 tháng kể từ ngày Bên mua nhận hàng.

6. Điều khoản cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Bên mua, Bên bán được quy định như sau: Hàng thuê được vận chuyển giá trị thuê kho lô hàng, tính khoảng 40% giá trị lô hàng. Số hàng thuê cho phải được giao ngay lập tức khi bên mua đã nộp đầy đủ thuế theo quy định trong hợp đồng. Trường hợp Bên mua vì phạm nghĩa vụ thuê kho, Bên bán được quyền bán lô hàng thuê cho để lấy tiền thuê kho.

Đến thực hiện hợp đồng, Công ty Tân Bình Minh đã thanh toán vào tài khoản của Chi nhánh Công ty Sông Hồng 20% giá trị hợp đồng là 300 triệu đồng. Ngày 7/01/1998, Bên bán đã giao hàng cho Bên mua. Số tiền nhả vào thuê kho được ghi vào kho của Công ty Tân Bình Minh. Biên bản giao nhận hàng và địa điểm vào thuê kho có chữ ký xác nhận của các bên.

Tính đến ngày 7/02/1998, Công ty Tân Bình Minh đã thanh toán cho Chi nhánh Công ty Thương mại Sông Hồng 1,2 triệu đồng. Riêng số tiền thuê kho lô hàng, Công ty Tân Bình Minh chưa thanh toán.

Ngày 7/3/1998, đại diện của Chi nhánh Công ty Sông Hồng phát hiện Công ty Tân Bình Minh đã bán toàn bộ số tiền thuê kho trong kho của mình. Khi biết như vậy thì Công ty Tân Bình Minh gửi thư thúc Công ty bắt buộc phải bán vì giá trị tiền thuê kho có chi phí hàng gửi mua. Trường hợp hình thức Chi nhánh Công ty sông Hồng yêu cầu các bên phải có biên bản xác nhận công nhận. Ngày 10/3/1998, đại diện của các bên đã ký vào Biên bản để chi trả công nhận. Theo Biên bản này thì Công ty Tân Bình Minh còn nợ Chi nhánh Công ty Sông Hồng số tiền thuê kho là 600 triệu đồng và Công ty Tân Bình Minh cam kết sẽ thanh toán đầy đủ trước ngày 20/3/1998.

Nhưng đến tận ngày 25/5/1998, Công ty Tân Bình Minh mới thanh toán cho Chi nhánh Công ty Sông Hồng 500 triệu đồng. Sau nhiều lần khiêu nại không thành, Bên bán phát động kiện Bên mua tại Tòa án về các yêu cầu:

(1) Buộc công ty Tân Bình Minh phải thanh toán nốt số tiền phải thuê kho còn thiếu là 100 triệu đồng.

(2) Bị thiệt hại các thiệt hại phát sinh do Bên mua phải vay vốn ngân hàng để nộp thuê kho, tính theo lãi suất tiền vay ngân hàng là 1,5%/tháng.

(3) Buộc Công ty Tân Bình Minh phải chịu khoản phạt thuê kho cho các quan thuế là 50 triệu đồng.

(4) Phạt do vi phạm hợp đồng là 10% tổng giá trị hợp đồng là 1,5 triệu x 10% = 150 triệu đồng.

Trên cơ sở những kiến nghị nêu trên, Tòa án đã xem xét các điều kiện thực tế và đã thụ lý vụ án.

Tình ti t b sung

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Tân Bình minh ghi nhận ngành kinh doanh của Công ty là: Bán buôn hàng tiêu dùng, bán lẻ hàng tiêu dùng, bán lẻ hàng gia dụng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty sông Hương là xuất nhập khẩu, mua bán máy móc, thiết bị, hàng điện tử, điện lạnh. Chi nhánh của Công ty được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ của Giám đốc Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Đ i di n cho Chi nhánh Công ty Sông H ng ký k t h p đ ng là ông Hoàng Xuân Thu ,
Giám đ c Chi nhánh, gi y u quy n ký k t h p đ ng s 04/SL-UQ c a Giám đ c Công ty ký.

Đi di n Công ty Th ng m i Tân Bình Minh ký h p đ ng là ông Hoàng Thanh Khi t, phó Giám đ c Công ty. Khi ký h p đ ng ông Khi t không có gi y u quy n. Ông Khi t là m t sáng l p viên c a Công ty Th ng m i Tân Bình Minh và là m t thành viên c a H i đ ng qu n tr . (Khi Lu t Doanh nghi p có hi u l c thì Công ty Tân Bình Minh đã đi t tên H i đ ng qu n tr thành H i đ ng thành viên). Trong đi u l ho t đ ng c a Công ty quy đ nh: "*M i thành viên c a H i đ ng qu n tr (H i đ ng thành viên) đ u là đi di n theo pháp lu t c a Công ty*". Đi u l ho t đ ng c a Công ty Tân Bình Minh không quy đ nh c th ai là đi di n theo pháp lu t c a Công ty.

T i Toà án, Giám đ c Công ty Tân Bình Minh yêu c u Toà án tuyên b h p đ ng s 01/HĐ/TPĐ-SL là vô hi u toàn b v i lý do ng i ký h p đ ng là ông Khi t ch là Phó giám đ c Công ty ký h p đ ng không có gi y u quy n h p l .

Tình huống 4:

Bài tập

A, B, C cùng góp v n thành l p Công ty Trách nhi m h u h n **X** kinh doanh th ng m i và d ch v . Ngày 05/02/2000, Công ty đ c S k ho ch đ u t thành f Hà N i c p Gi y ch ng nh n đ ng ký kinh doanh. Theo Gi y ch ng nh n đ ng ký kinh doanh thì f n v n góp c a các bên vào v n đi u l đ c xác đ nh nh sau:

- **A** góp bằng mặt bằng nhà tại lot 215 Nguyễn Phong Sắc, Hà Nội, trị giá 400 triệu đồng, chiếm 40% vốn đầu tư. Căn nhà này được Công ty sử dụng làm trụ sở giao dịch.
- **B** góp vốn bằng mặt bằng số máy móc xây dựng trị giá 300 triệu đồng, chiếm 30% vốn đầu tư.
- **C** góp 300 triệu đồng tiền mặt, chiếm 30% vốn đầu tư.

Sau khi Công ty đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các thành viên đã thực hiện theo đúng quy định trong Luật doanh nghiệp 1999. Để thực hiện góp vốn vào Công ty, các thành viên như trí c A làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, B làm Giám đốc, và C là kế toán trưởng Công ty. Điều lệ hoạt động của Công ty không quy định bất kỳ ai là người đi theo pháp luật của Công ty.

Do sự biến động trên thị trường bất động sản nên giá trị thực tế của căn nhà mà A mang ra góp vốn đã lên tới 1 tỷ đồng. Vì lý do trên đây không có tiền mặt để góp vốn nên để góp vốn căn nhà, nay đã có tiền mặt, A yêu cầu rút lại căn nhà trên đây đã mang góp vốn, và góp thêm 500 triệu đồng tiền mặt. B và C không đồng ý.

a) A có thể rút căn nhà trên đây đã mang góp vốn để góp thêm 500 triệu đồng tiền mặt được không? Tại sao?

b) Nếu B và C đồng ý cho A rút lại căn nhà thì có đúng pháp luật không? Tại sao?

Vì lý do B có nhiều sai phạm trong quản lý Công ty, vì công việc Chủ tịch Hội đồng thành viên và là người góp nhiều vốn vào Công ty, A đã ra quyết định cách chức Giám đốc của B và yêu cầu B bàn giao lại công việc cùng con dấu cho Công ty. Sau đó A ký quyết định bổ nhiệm C làm giám đốc công ty.

B chứng minh không đồng ý với các quyết định nói trên mà còn tiếp tục sử dụng con dấu và danh nghĩa Công ty TNHH X để ký kết hợp đồng với bên ngoài. Trong đó có hợp đồng vay trả giá 500 triệu đồng với Công ty Y. Khi đi ký kết hợp đồng vay vốn thì giá trị tài sản của Công ty X còn khoảng 800 triệu đồng. Theo hợp đồng, Công ty Y đã chuyển trả số tiền 300 triệu đồng. Tuy nhiên toàn bộ số tiền này đã được B chuyển sang tài khoản cá nhân của mình và dùng vào mục đích cá nhân.

Trong tình hình như vậy, A kiện B ra Tòa án yêu cầu B phải hoàn trả khoản tiền 300 triệu đồng. Công ty Y cũng nộp đơn ra Tòa yêu cầu công ty X phải hoàn trả số tiền 300 triệu đồng mà Y đã cho X vay, bởi thế nên thì thì do Công ty X gây ra cho Công ty Y do vi phạm hợp đồng.

Anh, chị hãy giải quyết vụ việc trên?

Bài tập

A, B, C cùng góp vốn thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn X kinh doanh thương mại, dịch vụ, khách sạn, du lịch và xây dựng dân dụng. Ngày 05/02/2000, Công ty đã cấp hồ sơ để thành lập Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phần vốn góp của các bên vào vốn điều lệ được xác định như sau:

- A góp 1 tỷ đồng tiền mặt, chiếm 50% vốn điều lệ.

- **B** góp bằng mặt căn nhà tại lot 16E Nguyến Trãi, Hà Nội, trị giá 600 triệu đồng, chiếm 30% vốn đầu tư. Căn nhà này được Công ty sử dụng làm trụ sở giao dịch.

- **C** góp vốn bằng mặt số máy móc xây dựng trị giá 400 triệu đồng, chiếm 20% vốn đầu tư.

Sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các thành viên đã thực hiện theo góp vốn vào Công ty. Để thực hiện máy quản lý nội bộ Công ty, các thành viên nhất trí **A** làm Giám đốc, **B** làm Chủ tịch Hội đồng thành viên và **C** là kế toán trưởng Công ty. Riêng **A** mới góp 500 triệu đồng, số tiền còn lại các bên thỏa thuận **A** sẽ góp nốt trước ngày 01/06/2000, nhưng trên thực tế đến ngày 01/12/2000 **A** mới góp nốt vốn như đã cam kết.

Kết thúc năm 2000, lợi nhuận sau thuế của công ty là 240 triệu đồng. Các thành viên công ty quyết định chia lợi nhuận này cho các thành viên nhưng mặt chia cho từng thành viên thì không có sự thống nhất. Vì lý do **A** không thực hiện đúng nghĩa về góp vốn, trên cùng với Chủ tịch Hội đồng thành viên, **B** ra quyết định chia đều số lợi nhuận nói trên cho 3 người, mỗi người được 80 triệu đồng. **A** phản đối phân bổ án phần chia lợi nhuận nói trên vì cho rằng mình phải được nhận 50% lợi nhuận là 120 triệu đồng theo đúng tỷ lệ góp vốn ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

*Phân bổ án phần chia lợi nhuận của **A** đúng hay **C** đúng? Vì sao?*

Sau khi thỏa thuận phân chia lợi nhuận không thành, và có thành viên không đồng ý với **B**, **A** quyết định cùng phân bổ với **C** để có đủ số phí thuê văn phòng qua phân bổ án phần chia lợi nhuận là **A:B:C=140:50:50** triệu đồng trong một phiên họp bất thường của Hội đồng thành viên.

Vì thông qua quyết định trên của Hội đồng thành viên có hợp pháp không?

Do bất mãn với **A** và **C**, **B** xin rút khỏi công ty. Tuy nhiên các thành viên đã xem xét, quyết định yêu cầu rút vốn, **B** đã xuất chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho **A** và **C**, nhưng **A** và **C** không mua lại phần vốn đó. Trong tình hình như vậy, **B** đã nghĩ đến chuyển nhượng phần vốn của mình cho **D** là người quen của cả **A**, **B** và **C**. **B**, **C** vốn không tán thành.

***B** có thể chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho **D** không? Vì sao?*

Do các phân bổ án rút vốn đều không thành, nên **B** đã gửi 300 triệu đồng về ngân hàng thanh toán cho công ty thông qua **B**.

*Vì **B** chỉ gửi 300 triệu đồng của công ty đúng hay sai? Vì sao?*

Bài tập

A, B, C và D cùng th a thu n thành l p công ty Trách nhi m h u h n X đ kinh doanh khách s n, nhà hàng, và d ch v vui ch i gi i trí v i s v n đi u l là 5 t đ ng. Cty X đ c Fòng Đ a g ký kinh doanh t nh K c p Gi y ch ng nh n đ a g ký kinh doanh vào ngày 10/01/2000

Theo Đi u l cty đ c các thành viên th a thu n thông qua thì A góp 2 t đ ng, B, C, D m i ng i góp 1 t đ ng. Cũng theo đi u l thì A làm Giám đ c công ty kiêm Ch t ch H i đ ng thành viên. B làm phó giám đ c cty, C là k toán tr ng. Các n i dung khác c a Đi u l t ng t nh Lu t doanh nghi p 1999.

Đ u năm 2002, A v i t cách là Ch t ch h i đ ng thành viên đã quy t đ nh tri u t p H i đ ng thành viên cty vào ngày 20/01/2002 đ thông qua báo cáo tài chính năm, k ho ch phân chia l i nhu n và k ho ch kinh doanh năm 2002. Gi y m i h p đã đ c g i đ n t t c các thành viên trong cty.

Do b t đ ng trong đi u hành cty v i A, nên B đã không tham d cu c h p H i đ ng thành viên. D b n đi công tác xa nên đã g i đi n tho i báo v ng m t, và qua đó y quy n cho A b fi u cho mình. Ngày 20/01/2002, A và C đã ti n hành cu c h p H i đ ng thành viên và đã b fi u thông qua báo cáo tài chính hàng năm c a cty, k ho ch phân chia l i nhu n và k ho ch kinh doanh năm 2002.

Sau cu c h p H i đ ng thành viên, B đã g i văn b n t i các thành viên khác trong cty, f n đ i k ho ch phân chia l i nhu n và k ho ch kinh doanh năm 2002 v a đ c thông qua. Quan h gi a B và các thành viên khác tr nên căng th ng. Tr c tình hình này, A l i g i đ n tri u t p cu c h p H i đ ng thành viên vào ngày 10/03/2002 v i m c đích nh m gi i quy t m t s v n đ fát sinh trong cty, gi y tri u t p này A không g i cho B, vì cho r ng có g i thì B cũng không tham d .

T i cu c h p c a H i đ ng thành viên, A, C, D đã bi u quy t thông qua v i c khai tr B ra kh i cty và gi m s v n đi u l t ng ng v i f n v n góp c a B, và hoàn tr f n v n này cho B. Quy t đ nh này cùng v i Biên b n cu c h p H i đ ng thành viên ngày 10/03/2002 đã đ c g i cho B và g i lên Fòng Đ a g ký kinh doanh t nh K. Phòng ĐKKD căn c vào biên b n cu c h p 3 thành viên cty X đ c p Gi y ch ng nh n đ a g ký thay đ i v i n i dung là gi m s thành viên t 4 ng i tr c đây xu ng còn 3 ng i, và gi m v n đi u l c a cty còn 4 t đ ng.

Nh n đ c quy t đ nh này, B làm đ n ki n lên Tòa án nhân dân thành f K yêu c u bác 2 cu c h p c a H i đ ng thành viên vì không h p fáp; kiên cty vì đã khai tr B, ki n Fòng ĐKKD vì đã c p Gi y ch ng nh n đ a g ký thay đ i cho Cty X.

Anh, ch hãy gi i quy t v i c trên?